TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 965/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: 1 Đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế X, sinh năm 1982; địa chỉ: 1 Đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 nguyên đơn là bà Dương Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thế X tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 065, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2010.

Hạnh phúc gia đình kéo dài đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông X sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung, có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Quốc B, sinh ngày 12/6/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 13/9/2013. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông X là bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của bà T quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông X là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 065, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2010.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Bà T cho rằng cuộc sống chung giữa bà và ông X không có hạnh phúc. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông X đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, ông X cũng không tham gia các phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án. Như vậy ông X không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông X là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Quốc B, sinh ngày 12/6/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 13/9/2013 của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay, ông X không có ý kiến phản hồi về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T. Đồng thời trẻ B, trẻ N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Bà T, ông X vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 065, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2010 hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Quốc B, sinh ngày 12/6/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 13/9/2013 cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Dương Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Thế X cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thế X có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Dương Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012134 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Dương Thị T đã đóng đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Nguyễn Hà Hải